

Ngày (Date):/...../.....

Số hồ sơ thông tin khách hàng (CIF No.):

Giấy đề nghị thay đổi thông tin này là một phần không thể tách rời của Giấy đề nghị mở hồ sơ thông tin khách hàng tổ chức và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng (Mẫu 01a) (This Application is an integral part of the Application for opening customer information (CIF) and using banking services (for organization) (Form 01a)).

Với mọi trách nhiệm thuộc về mình, chúng tôi đề nghị Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) thay đổi một số thông tin sau (đề xuất có hiệu lực kể từ ngày/...../.....) (Taking full legal responsibility to ourselves we kindly request Joint stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam (Vietcombank) to change some information (required effective date: from/...../.....) as follows):

A - THÔNG TIN KHÁCH HÀNG ĐÃ ĐĂNG KÝ VỚI VIETCOMBANK (Customer's information registered with Vietcombank)

- TÊN KHÁCH HÀNG** (Customer name in Vietnamese):
CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THỎM
- GIẤY TỜ ĐỊNH DANH (*)** (Identity Type)
 - Đăng kí kinh doanh/Đăng kí doanh nghiệp (Business License)
 Số (No): **0309391503**
 - Quyết định thành lập (Establishment License)
 Ngày cấp: **25/09/2009**
 - Khác (Other):
 - Nơi cấp: **Số KH&ĐT TP.HCM**
 (Issue Place)

B - YÊU CẦU THAY ĐỔI THÔNG TIN KHÁCH HÀNG (Customer's information changing request)

- THAY ĐỔI TÊN KHÁCH HÀNG** (Change of Customer Name)
 - TÊN KHÁCH HÀNG MỚI (New Customer name in Vietnamese):
 - TÊN TIẾNG ANH MỚI (New Name in English):
 - TÊN VIẾT TẮT MỚI (New Short name):
- THAY ĐỔI CƯ TRÚ (Y/N):** (Change of Resident Status (Y/N))
- THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ KHÁCH HÀNG** (Change of Address)
 - QUYẾT ĐỊNH ĐỔI TÊN/SÁP NHẬP SỐ (Renaming or merging decision number):
 - MÃ SỐ THUẾ MỚI: Ngày cấp: Nơi cấp:
 - (New tax code) (Issue Date) (Issue Place)
 - THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ KHÁCH HÀNG** (Change of Address)
 - ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH MỚI (New Headquarter Address):
 - ĐỊA CHỈ GIAO DỊCH MỚI² (New Current Address):
- THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP** (Change of Lawful Representative)
 - Hủy đăng ký Người đại diện hợp pháp là Ông (Bà):
 - (Cancel of the registration of Mr.(Ms) as Lawful Representative)
 - Trường hợp bổ sung Người đại diện hợp pháp, đề nghị điền thông tin tại Phụ lục 01 - Điều chỉnh thông tin về Người đại diện hợp pháp (In case of adding Lawful Representative, please fill in Appendix 01 - Change of Lawful Representative's Information).
- THAY ĐỔI NGƯỜI ĐƯỢC NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP ỦY QUYỀN** (Change of Person authorised by Lawful Representative)
 - Hủy đăng ký Người được Người đại diện hợp pháp ủy quyền là Ông (Bà):
 - (Cancel the registration of Mr.(Ms) as Person authorised by Lawful Representative)
 - Trường hợp bổ sung Người được Người đại diện hợp pháp ủy quyền, đề nghị điền thông tin tại Phụ lục 02 - Điều chỉnh thông tin về Người được Người đại diện hợp pháp ủy quyền (In case of adding Person authorised by Lawful Representative, please fill in Appendix 02 - Change of Person authorised by Lawful Representatives' Information).

¹ Các trường Ngày tháng, điền theo định dạng DD/MM/YYYY (Date format DD/MM/YYYY)

² Khai báo trường hợp địa chỉ giao dịch khác địa chỉ Trụ sở chính (Fill in the form in case Current Address is different from Headquarter Address)

5. THAY ĐỔI TỔNG GIÁM ĐỐC/ GIÁM ĐỐC (Change of General Director/ Director)

Hủy đăng ký Tổng giám đốc/ Giám đốc là Ông (Bà):

(Cancel the registration of Mr.(Ms.) as General Director/ Director)

Bổ sung Tổng giám đốc/ Giám đốc sau (Add General Director/Director as follows):

HỌ TÊN (Full name):

Trùng với cá nhân tại mục B.3 (being the individual in section B.3)

Ghi rõ (nếu nhiều người cùng tên tại mục B.3) (Please specify if there are multiple individuals in section B.3 with the same name):

Điền các thông tin bên dưới trong trường hợp Tổng Giám đốc/Giám đốc khác với cá nhân tại mục B.3 (Fill in the information below in case the General Director/Director is different from the individual in section B.3):

Là KHCN của Vietcombank (Vietcombank's Individual customer): Có (Yes) Không (No)

Trường hợp chọn "CÓ", đề nghị cung cấp (If choose "Yes", please provide):

Số CIF (Cif No): Hoặc một trong số các tài khoản thanh toán tại Vietcombank (Or one of Vietcombank Current Accounts):

Trường hợp chọn "Không", đề nghị điền các thông tin sau (If choose "No", please fill in the following information):

Chức vụ³ (Position): Nghề nghiệp⁴ (Occupation): Ngày sinh:/...../..... (Date of birth)

Giới tính: Nam Nữ Tình trạng cư trú: Cư trú Không cư trú Ngày hết hạn cư trú:/...../..... (Gender) (Male) (Female) (Resident Status) (Resident) (Non-resident) (Residence expiry date)

Quốc tịch: Việt Nam Khác (ghi rõ): Không quốc tịch (Nationality) (Vietnamese) (Other, please specify) (Stateless individual)

Điện thoại cố định: ĐTDD: Thư điện tử: (Business Phone) (Mobile) (E-mail Address)

Đối với cá nhân là công dân Việt Nam hoặc người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch (For individuals who are Vietnamese citizens or people of Vietnamese origin whose nationality has not been determined)

Thẻ CCCD/Thẻ căn cước CMND Căn cước điện tử Giấy chứng nhận căn cước (Citizen ID) (ID) (eID) (Identity certificate)

Số (No): Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn:/...../..... (Issue Date) (Issue Place) (Expiry Date)

Địa chỉ thường trú (Permanent Address):

Địa chỉ liên hệ (Current Address):

Đối với cá nhân là người nước ngoài hoặc người không quốc tịch (For individuals who are foreigners or stateless persons)

Hộ chiếu (Passport) Thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp (ID issued by foreign competent authorities, if any)

Danh tính điện tử (eID) Giấy tờ khác có giá trị đi lại quốc tế (ghi rõ) (Internation travel document, if any):

Số (No): Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn:/...../..... (Issue Date) (Issue Place) (Expiry Date)

Thị thực Giấy tờ thay thị thực (ghi rõ): Giấy tờ miễn thị thực (ghi rõ): (Visa) (Visa equivalent document, please specify) (Visa exemption document, please specify)

Số (No): Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn:/...../..... (Issue Date) (Issue Place) (Expiry Date)

Địa chỉ đăng ký cư trú ở Việt Nam: (Registered address of residence in Vietnam)

Địa chỉ đăng ký cư trú ở nước ngoài: (Overseas registered residential Address)

Thông tin bổ sung thêm đối với cá nhân là người có từ hai quốc tịch trở lên (Additional information for individuals with multiple nationality)

Quốc tịch (Nationality): Hộ chiếu số: Nơi cấp: (Passport No.) (Issue Place)

..... Ngày cấp (Issue Date):/...../..... Ngày hết hạn (Expiry Date):/...../.....

Địa chỉ đăng ký cư trú tại quốc gia mang quốc tịch (Registered address of residence in the country of nationality)

Quốc tịch (Nationality): Hộ chiếu số: Nơi cấp: (Passport No.) (Issue Place)

..... Ngày cấp (Issue Date):/...../..... Ngày hết hạn (Expiry Date):/...../.....

Địa chỉ đăng ký cư trú tại quốc gia mang quốc tịch (Registered address of residence in the country of nationality)

³ Lựa chọn chức vụ, xem mục D.5 Hướng dẫn sử dụng mẫu biểu dành cho khách hàng (For Position, please see D.5-Guideline for using form for Customer)

⁴ Lựa chọn nghề nghiệp, xem mục D.6 Hướng dẫn sử dụng mẫu biểu dành cho khách hàng (For Occupation, please see D.6-Guideline for using form for Customer)

6. THAY ĐỔI KẾ TOÁN TRƯỞNG/ PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN (Change of Chief Accountant/Person in Charge of Accounting)

Hủy đăng ký Kế toán trưởng/ Phụ trách kế toán là Ông (Bà):
(Cancel the registration of Mr./Ms) as Chief Accountant/Person in Charge of Accounting)

Bổ sung Kế toán trưởng/ Phụ trách kế toán sau (Add person registered as Chief Accountant/Person in Charge of Accounting as follows):

HỌ TÊN (Full name):

Trùng với cá nhân tại (being the individual in): mục B.3 mục B.4
(Section B.3) (Section B.4)

Ghi rõ (nếu nhiều người cùng tên tại mục B.3/B.4) (Please specify if there are multiple individuals in section B.3/B.4 with the same name):

Điền các thông tin bên dưới trong trường hợp Kế toán trưởng/ Phụ trách kế toán khác với cá nhân tại mục B.3/ B.4 (Fill in the information below in case the Chief Accountant/Person in charge of accounting is different from the individual in section B.3/ B.4):

Là KHCN của Vietcombank (Vietcombank's Individual customer): Có (Yes) Không (No)

Trường hợp chọn "Có", đề nghị cung cấp (If choose "Yes", please provide):

Số CIF (Cif No.): Hoặc một trong số các tài khoản thanh toán tại Vietcombank: (Or one of Vietcombank Current Accounts)

Trường hợp chọn "Không", đề nghị điền các thông tin sau (If choose "No", please fill in the following information):

Chức vụ (Position): Nghề nghiệp (Occupation): Ngày sinh:/...../.....
(Date of birth)

Giới tính: Nam Nữ Tình trạng cư trú: Cư trú Không cư trú Ngày hết hạn cư trú:/...../.....
(Gender) (Male) (Female) (Resident Status) (Resident) (Non-resident) (Residence expiry date)

Quốc tịch: Việt Nam Khác (ghi rõ): Không quốc tịch
(Nationality) (Vietnamese) (Other, please specify) (Stateless individual)

Điện thoại cố định: ĐTDD: Thư điện tử:
(Business Phone) (Mobile) (E-mail Address)

Đối với cá nhân là công dân Việt Nam hoặc người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch (For individuals who are Vietnamese citizens or people of Vietnamese origin whose nationality has not been determined)

Thẻ CCCD/Thẻ căn cước CMND Căn cước điện tử Giấy chứng nhận căn cước
(Citizen ID) (ID) (eID) (Identity certificate)

Số (No): Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn:/...../.....
(Issue Date) (Issue Place) (Expiry Date)

Địa chỉ thường trú (Permanent Address):

Địa chỉ liên hệ (Current Address):

Đối với cá nhân là người nước ngoài hoặc người không quốc tịch (For individuals who are foreigners or stateless persons)

Hộ chiếu (Passport) Thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp
(ID issued by foreign competent authorities, if any)

Danh tính điện tử (eID) Giấy tờ khác có giá trị đi lại quốc tế (ghi rõ) (Internation travel document, if any):

Số (No): Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn:/...../.....
(Issue Date) (Issue Place) (Expiry Date)

Thị thực Giấy tờ thay thị thực (ghi rõ): Giấy tờ miễn thị thực (ghi rõ):
(Visa) (Visa equivalent document, please specify) (Visa exemption document, please specify)

Số (No): Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn:/...../.....
(Issue Date) (Issue Place) (Expiry Date)

Địa chỉ đăng ký cư trú ở Việt Nam:
(Registered address of residence in Vietnam)

Địa chỉ đăng ký cư trú ở nước ngoài:
(Overseas registered residential Address)

Thông tin bổ sung thêm đối với cá nhân là người có từ hai quốc tịch trở lên (Additional information for individuals with multiple nationality)

Quốc tịch (Nationality): Hộ chiếu số: Nơi cấp:
(Passport No.) (Issue Place)

Ngày cấp (Issue Date):/...../..... Ngày hết hạn (Expiry Date):/...../.....

Địa chỉ đăng ký cư trú tại quốc gia mang quốc tịch (Registered address of residence in the country of nationality)

Quốc tịch (Nationality): Hộ chiếu số: Nơi cấp:
(Passport No.) (Issue Place)

Ngày cấp (Issue Date):/...../..... Ngày hết hạn (Expiry Date):/...../.....

Địa chỉ đăng ký cư trú tại quốc gia mang quốc tịch (Registered address of residence in the country of nationality)



7. **THAY ĐỔI NGƯỜI ĐƯỢC KẾ TOÁN TRƯỞNG/PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN ỦY QUYỀN** (Change of Person authorised by Chief Accountant/Person in Charge of Accounting)

Hủy đăng ký Người được Kế toán trưởng/Người phụ trách kế toán ủy quyền là Ông (Bà): (Cancel the registration of Mr.(Ms.) as Person authorised by Chief Accountant/Person in Charge of Accounting).....

Trường hợp bổ sung Người được Kế toán trưởng/Người phụ trách kế toán ủy quyền, đề nghị điền thông tin tại Phụ lục 03 – Điều chỉnh thông tin về Người được Kế toán trưởng/Người phụ trách kế toán ủy quyền (In case of adding Person authorised by Chief Accountant/Person in Charge of Accounting, please fill in Appendix 03 – Change of Person authorised by Chief Accountant/Person in Charge of Accounting's Information).

8. **THAY ĐỔI NGƯỜI THÀNH LẬP/TỔ CHỨC CHỦ QUẢN** (Change of The Founder/Parent Organization)

Hủy đăng ký Người thành lập/Tổ chức chủ quản là:
(Cancel the The Founder/Parent Organization registration of)

Trường hợp bổ sung Người thành lập, đề nghị điền thông tin tại Phụ lục 04 – Điều chỉnh thông tin về Người thành lập, Tổ chức chủ quản (In case of adding Founder/Parent Organization, please fill in Appendix 04 – Change of Founder and Parent Organization's Information).

9. **THAY ĐỔI CHỦ SỞ HỮU HƯỞNG LỢI** (Change of Beneficiary owner)

Hủy đăng ký Chủ sở hữu hưởng lợi là Ông (Bà):
(Cancel the registration of Mr.(Ms) as Beneficiary owner)

Trường hợp bổ sung Chủ sở hữu hưởng lợi, đề nghị điền thông tin tại Phụ lục 05 – Điều chỉnh thông tin về Chủ sở hữu hưởng lợi (In case of adding Beneficiary owner, please fill in Appendix 05 – Change of Beneficiary Owner's Information).

10. **THAY ĐỔI THÔNG TIN THỎA THUẬN PHÁP LÝ** (Change of Legal arrangement)

Trường hợp Quý khách là bên nhận ủy thác và có thay đổi thông tin Thỏa thuận pháp lý, đề nghị khai báo tại Phụ lục 08 – Thông tin thỏa thuận pháp lý (In case Customer is the trustee and has changes of related information in the legal arrangement, please fill in Appendix 08 – Change of Legal arrangement's Information).

11. **THAY ĐỔI MỤC ĐÍCH VÀ BẢN CHẤT MỐI QUAN HỆ KINH DOANH CỦA QUÝ KHÁCH VỚI VIETCOMBANK** (Có thể chọn nhiều mục) (Change of Purpose(s) and nature of the business relationship between Customers and Vietcombank – Customer may choose multiple choices):

Thanh toán (Payment)

Tiền gửi (Deposit)

Vay vốn (Lending)

Chuyển tiền trong nước
(Domestic remittance)

Chuyển tiền nước ngoài
(Overseas remittance)

Khác, ghi rõ (Other):

12. **THAY ĐỔI THÔNG TIN TUÂN THỦ FATCA** (Change of FATCA compliance information)

Có (Yes) Không (No)

Quý khách là tổ chức thành lập tại Hoa Kỳ (Customer is an entity which established in the U.S)

Quý khách là tổ chức tài chính ngoài Hoa Kỳ (Customer is a non-US financial institution)

Quý khách là tổ chức phi tài chính ngoài Hoa Kỳ có một hoặc nhiều người kiểm soát là công dân hoặc đối tượng cư trú của Hoa Kỳ (Customer is a non-US non-financial entity which has one or more supervisory person being US citizen or US resident)

Đối với các câu trả lời "Có" tại mục này, Quý khách vui lòng bổ sung thông tin tương ứng tại Phụ lục 09 – Điều chỉnh thông tin tuân thủ FATCA (For the answers "Yes" in the above section, please add the corresponding information in Appendix 09 – Change of FATCA compliance information).

13. **THAY ĐỔI THÔNG TIN TUÂN THỦ ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG CÓ QUAN HỆ NGÂN HÀNG ĐẠI LÝ HOẶC CÓ GIAO DỊCH NESTED VỚI VIETCOMBANK** (Change of supplemental compliance information for customer being a financial institution or has "nested correspondent banking" transactions with Vietcombank)

Trường hợp Quý khách có thay đổi thông tin tuân thủ, đề nghị khai báo tại Phụ lục 10 – Điều chỉnh thông tin dành cho khách hàng có quan hệ ngân hàng đại lý hoặc khách hàng có giao dịch nested correspondent banking (In case of changes of compliance information, please fill in Appendix 10 – Change of supplemental compliance information for customer being a financial institution or has "nested correspondent banking" transactions with Vietcombank)

C - YÊU CẦU THAY ĐỔI KHÁC (Other changing request)

1. **THAY ĐỔI TÊN TÀI KHOẢN⁵** (Change of Account Name)

Số tài khoản (A/C No.):

1.	4.
2.	5.
3.	6.

TÊN TÀI KHOẢN MỚI (New Account Name):

2. **THAY ĐỔI NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN GIAO DỊCH TẠI NGÂN HÀNG** (Change of Person authorized to deliver/receive documents and perform cash transaction at VCB)

Hủy bỏ Ủy quyền đối với Ông (Bà):

Trường hợp bổ sung Người được ủy quyền giao dịch tại Ngân hàng, đề nghị điền thông tin tại Phụ lục 07 - Điều chỉnh thông tin Người được ủy quyền giao nhận hồ sơ, chứng từ và giao dịch tiền mặt tại ngân hàng (In case of adding Person authorised to deliver/receive documents and perform cash transaction at VCB, please fill in Appendix 07 - Change of Information of Person authorised to deliver/receive documents and perform cash transaction at Vietcombank)

3. **THAY ĐỔI CHỮ KÝ** (Change of signature)

Người đại diện hợp pháp (Lawful Representative)

Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (Chief Accountant/Person in Charge of Accounting)

Người được ủy quyền giao dịch tiền mặt (Cash transaction person)

Người được người đại diện hợp pháp ủy quyền (Persons authorised by Lawful Representatives)

Người được Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán ủy quyền (Persons authorised by Chief Accountant/Person in Charge of Accounting)

Người được ủy quyền giao dịch chứng từ (Document transaction person)

Họ tên (Full Name): TRẦN THỊ THỎM

CCCD/CMND/HC (ID / PP): 019178011295

Ngày cấp: 10/12/2021 Nơi cấp: Quê CS

Chức vụ: ĐTDĐ: 0917823697

Chữ ký mẫu thứ nhất (First specimen signature)  TRẦN THỊ THỎM	Chữ ký mẫu thứ hai (Second specimen signature)  TRẦN THỊ THỎM
--	---

Trường hợp Quý khách thay đổi chữ ký của nhiều hơn 01 đối tượng nêu trên, đề nghị khai báo tiếp tại Phụ lục 06 - Điều chỉnh thông tin đăng ký chữ kí, mẫu dấu (In case there are changes of signatures of more than 01 person above, please fill in Appendix 06 - Change of Registration of Signatures and Specimen seals)

4. **THAY ĐỔI KHÁC** (Other changes)

MẪU DẤU MỚI (New Stamp):

Đóng dấu lần 1: (Stamp the Seal 1st time)

Đóng dấu lần 2: (Stamp the Seal 2nd time)

KHÁC (Others):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

⁵ Trường hợp tên tài khoản không trùng với tên Khách hàng (In case the account name does not match the Customer's name)

D – CAM KẾT CỦA KHÁCH HÀNG (Customer's Declaration)

Bằng việc ký vào Giấy đề nghị này (By signing this Application):

1. Chúng tôi cam đoan rằng mọi thông tin đưa ra tại Giấy đề nghị này đều đúng sự thật, chân thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, đúng sự thật của các thông tin đã cung cấp. Đề nghị Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) thay đổi những thông tin chúng tôi đã yêu cầu ở trên (We hereby certify that the information provided on this Application is completely accurate, truthful, and we have legal responsibility for the accurateness, truthfulness of all information provided. We kindly request Joint – Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam (Vietcombank) to change the information accordingly.)
2. Vietcombank được xác thực thông tin trên giấy tờ hợp pháp và xử lý dữ liệu của Chúng tôi (bao gồm dữ liệu của tất cả các chủ thể là cá nhân liên quan) tại Vietcombank theo quy định pháp luật từ bất kỳ giải pháp nào mà Vietcombank có được để phục vụ mục đích tuân thủ quy định pháp luật về nhận biết khách hàng; cung cấp cho các đối tác hợp tác với Vietcombank để phát triển và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ của Vietcombank; hoặc sử dụng thông tin với mục đích nghiên cứu đánh giá để hiểu về nhu cầu sử dụng sản phẩm dịch vụ ngân hàng của chúng tôi để phục vụ các nghiệp vụ ngân hàng (Vietcombank is authorized to authenticate the information on our legal identity documents and process our data at Vietcombank (including data of all related individuals) in accordance with the law from any solution that Vietcombank has implemented for the purpose of complying with the law on customer identification; providing such for partners cooperating with Vietcombank to develop banking products and services; or researching and evaluating to understand customer's demand).
3. Chúng tôi đã đọc, hiểu rõ, đồng ý, cam kết thực hiện Các điều kiện giao dịch chung về bảo vệ dữ liệu cá nhân. Chúng tôi cam đoan, bảo đảm và chịu trách nhiệm rằng chúng tôi đã cung cấp thông tin dữ liệu cá nhân đầy đủ, chính xác và đã được sự đồng ý/chấp thuận hợp pháp của toàn bộ các cá nhân liên quan để Vietcombank xử lý các dữ liệu cá nhân cho các mục đích được nêu tại Các điều kiện giao dịch chung về bảo vệ dữ liệu cá nhân được đăng tải trên website chính thức của Vietcombank (hiện nay là <https://www.vietcombank.com.vn>) và/hoặc các kênh cung cấp dịch vụ của ngân hàng. Chúng tôi đồng ý rằng Vietcombank không có trách nhiệm phải thẩm định về tính hợp pháp, hợp lệ của sự đồng ý/chấp thuận này và việc lưu trữ bằng chứng chúng minh thuộc trách nhiệm của Chúng tôi. Vietcombank được miễn trách và được yêu cầu bồi thường các thiệt hại, chi phí liên quan khi Chúng tôi không thực hiện đúng nội dung quy định tại mục này (We confirm that we have read and understood then agreed to follow General terms and conditions on personal data protection. We commit, guarant and take responsibility that we have provided personal information in an adequately, accurately manner and have obtained the legal consent/approval of all relevant individuals for Vietcombank to process personal data for the purposes stated in the General transaction conditions on personal data protection posted on the main website form of Vietcombank (currently <https://www.vietcombank.com.vn>) and/or Vietcombank's service delivery channels. We agree that Vietcombank is not responsible for verifying the legality and validity of this consent/approval and the storage of proofs is our responsibility. Vietcombank is exempt from liability and is required to compensate for related damages and expenses when we fail to comply with the contents specified in this section).
4. Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng tài khoản và dịch vụ Ngân hàng theo quy định của pháp luật và của Vietcombank (We commit to operate and manage these account and banking services in accordance with law and Vietcombank's regulations)
5. Các bản đăng ký bổ sung thông tin khách hàng, dịch vụ và cam kết theo các phụ lục sau đây đã được chúng tôi khai báo, thực hiện và là một phần không thể tách rời của Giấy đề nghị thay đổi thông tin khách hàng tổ chức này (Registration of supplement information, service and related commitment in following appendixes and documents are registered and constitute integral parts of this Application for Institutional customer's information maintenance)
 - Phụ lục 01 – Điều chỉnh thông tin về Người đại diện hợp pháp (Appendix 01 – Change of Lawful Representative's Information)
 - Phụ lục 02 – Điều chỉnh thông tin về Người được Người đại diện hợp pháp ủy quyền (Appendix 02 – Change of Person authorised by Lawful Representative's Information)
 - Phụ lục 03 – Điều chỉnh thông tin về Người được Kế toán trưởng/Người phụ trách kế toán ủy quyền (Appendix 03 – Change of Person authorised by Chief Accountant/Person in Charge of Accounting's Information)
 - Phụ lục 04 – Điều chỉnh thông tin về Người thành lập, Tổ chức chủ quản (Appendix 04 – Change of Founder and Parent Organization's Information)
 - Phụ lục 05 – Điều chỉnh thông tin về Chủ sở hữu hưởng lợi (Appendix 05 – Change of Beneficiary Owner's Information)
 - Phụ lục 06 – Điều chỉnh thông tin đăng ký chữ ký, mẫu dấu (Appendix 06 – Change of Registration of Signatures and Speciment seals)
 - Phụ lục 07 – Điều chỉnh thông tin Người được ủy quyền giao nhận hồ sơ, chứng từ và giao dịch tiền mặt tại ngân hàng (Appendix 07 – Change of Information of Person authorised to deliver/receive documents and perform cash transaction at Vietcombank)
 - Phụ lục 08 – Điều chỉnh thông tin thỏa thuận pháp lý (Appendix 08 – Change of Legal arrangement Information)
 - Phụ lục 09 – Điều chỉnh thông tin tuân thủ FATCA (Appendix 09 – Change of FATCA compliance Information)
 - Phụ lục 10 – Điều chỉnh thông tin dành cho khách hàng có quan hệ ngân hàng đại lý hoặc khách hàng có giao dịch nested correspondent banking (Appendix 10 – Change of supplemental compliance information for customer being a financial institution or has "nested correspondent banking" transactions with Vietcombank)

6. Giấy đề nghị này được lập thành 02 bản gốc và có giá trị pháp lý ngang nhau, khách hàng và Vietcombank mỗi bên giữ một bản. Trong trường hợp bất kỳ nội dung nào tại Giấy đề nghị này được quy định cả bằng tiếng Việt và tiếng Anh mà có sự khác nhau giữa nội dung tiếng Việt và nội dung tiếng Anh, thì nội dung tiếng Việt được ưu tiên áp dụng (This Application is executed in 02 originals with equal validity. Each party (Customer or Vietcombank) keeps 01 original. For any clause expressed in both Vietnamese and English, in case of any inconsistencies between the Vietnamese and English versions in this Application, the Vietnamese version shall prevail.)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA KHÁCH HÀNG

Ký tên, đóng dấu (nếu có)

Representative signature and stamp (if any)



Trần Chi Chom

HỌ VÀ TÊN (Full Name)

PHẦN DÀNH CHO NGÂN HÀNG (Bank use only)

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chấp nhận thay đổi các thông tin nói trên kể từ ngày/...../.....
(Vietcombank approves the above changes to be effective from/...../.....)

Đã thực hiện sàng lọc khách hàng và các bên liên quan lúc giờ, ngày ____/____/____

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM
(Vietcombank's representative)

Kết quả:
 Không cảnh báo Cảnh báo già
 Cảnh báo thật (nếu rõ chủ thể và Danh sách):
.....

HỌ VÀ TÊN (Full Name)

TIẾP NHẬN

CÁN BỘ

XỬ LÝ

CÁN BỘ

LĐP

Họ tên: Họ tên: Họ tên:
Ngày: ____/____/____ Ngày: ____/____/____ Ngày: ____/____/____

Y
H
M
C
C



Phân Bộ Dược

ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN ĐĂNG KÝ CHỮ KÝ, MẪU DẤU
Change of Registration of signatures and specimen seals

Ngày (Date):/...../.....

Số hồ sơ thông tin khách hàng (CIF No):

Biểu mẫu này là một phần không tách rời của Giấy đề nghị thay đổi thông tin khách hàng tổ chức của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) mà Quý khách đã xác nhận thông tin (This form is an integral part of Application for changes of customer's information (for organization) of Joint - Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam (Vietcombank) within your signature for declaration).

Yêu cầu về mẫu chữ ký: Chữ ký bao gồm ký hiệu chữ ký, mẫu dấu (nếu có) và dấu chức danh. Trường hợp không sử dụng dấu chức danh thì sử dụng chữ viết tay họ tên đầy đủ của khách hàng, không viết bằng chữ in hoa (Specimen signature requirement: Specimen signature includes signature, stamp (if any) and name stamp. In case name stamp is not available, handwritten full name of customer in lower case is required)

Người đăng ký chữ ký được ủy quyền phải là người của tổ chức mở tài khoản. Người đại diện của chủ tài khoản phải chịu trách nhiệm về việc chỉ định người được ủy quyền của tổ chức mình để đăng ký với Ngân hàng (Persons having authorized signatures and authorized persons must be from the organization. The Representative of the Account holder is responsible for assigning authorized persons registered to Vietcombank).

Trường hợp chủ tài khoản hủy mẫu chữ ký của Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (hoặc những người được ủy quyền) đã đăng ký tại Vietcombank: Người đại diện hợp pháp phải ghi dòng chữ: "KHÔNG ĐĂNG KÝ MẪU CHỮ KÝ CỦA KẾ TOÁN TRƯỞNG" tại phần đăng ký chữ ký của Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán tại mục Thay đổi Kế toán trưởng và ký xác nhận. (In case Customer requests removal of registered specimen signature of Chief Accountant/Chief Accountant in charge (or authorized persons) at Vietcombank: Legal Representative has to write the phrase "KHÔNG ĐĂNG KÝ MẪU CHỮ KÝ CỦA KẾ TOÁN TRƯỞNG" on the specimen signature box at the section Change of Chief Accountant and put his/her signature)

✕ Tên khách hàng (Customer full name): CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THỜI

Quý khách hàng vui lòng cung cấp các thông tin sau (Please provide the following information):

I – THAY ĐỔI ĐĂNG KÝ CHỮ KÝ MẪU CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP (Change of specimen signature of Lawful Representative)

I.1 – DANH SÁCH NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP (Lawful Representatives - continued)

Họ tên (Full Name):

CCCD/CMND/HC (ID / PP):

Ngày cấp: Nơi cấp:
(Date of issue) (Place of issue)Chức vụ: ĐTDĐ:
(Position) (Mobile)Chữ ký mẫu thứ nhất
(First specimen signature)Chữ ký mẫu thứ hai
(Second specimen signature)

Họ tên (Full Name):

CCCD/CMND/HC (ID / PP):

Ngày cấp: Nơi cấp:
(Date of issue) (Place of issue)Chức vụ: ĐTDĐ:
(Position) (Mobile)Chữ ký mẫu thứ nhất
(First specimen signature)Chữ ký mẫu thứ hai
(Second specimen signature)

Họ tên (Full Name):

CCCD/CMND/HC (ID / PP):

Ngày cấp: Nơi cấp:
(Date of issue) (Place of issue)Chức vụ: ĐTDĐ:
(Position) (Mobile)Chữ ký mẫu thứ nhất
(First specimen signature)Chữ ký mẫu thứ hai
(Second specimen signature)

I.2 – THAY ĐỔI CƠ CHẾ PHÊ DUYỆT HỒ SƠ, ĐỀ NGHỊ, CHỨNG TỪ GIAO DỊCH TÀI KHOẢN VỚI NGÂN HÀNG¹ *(Change of Approval Mechanism on documents, Requests and documents of account transactions with VCB)*

- Chữ ký của một trong những người đại diện hợp pháp của Chủ tài khoản
(Signature of one of the Account Holder's Lawful Representatives)
- Chữ ký của trong những người đại diện hợp pháp của Chủ tài khoản
(Signature of of the Lawful Representatives of the Account Holder)
- Chữ ký của toàn bộ những người đại diện hợp pháp của Chủ tài khoản
(Signatures of all Lawful Representatives of the Account Holder)

Trường hợp Quý khách không đăng ký Cơ chế phê duyệt trên các hồ sơ, đề nghị, chứng từ giao dịch tài khoản với VCB, tất cả các Người đại diện hợp pháp của chủ tài khoản cần ký trên các hồ sơ, đề nghị, chứng từ giao dịch với VCB. *(In case Customer does not register Approval Mechanism on the documents, requests and document of account transactions with VCB, all Lawful Representatives of the Account Holder need to sign on documents, requests and transaction documents with VCB).*

II – THAY ĐỔI ĐĂNG KÝ CHỮ KÝ MẪU CỦA NGƯỜI ĐƯỢC NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP ỦY QUYỀN
(Change of specimen signature of Persons authorised by of Lawful Representative)

Họ tên *(Full Name)*:
 CCCD/CMND/HC *(ID / PP)*:
 Ngày cấp: Nơi cấp:
(Date of issue) (Place of issue)
 Chức vụ: ĐTDĐ:
(Position) (Mobile)

Chữ ký mẫu thứ nhất
(First specimen signature)

Chữ ký mẫu thứ hai
(Second specimen signature)

Họ tên *(Full Name)*:
 CCCD/CMND/HC *(ID / PP)*:
 Ngày cấp: Nơi cấp:
(Date of issue) (Place of issue)
 Chức vụ: ĐTDĐ:
(Position) (Mobile)

Chữ ký mẫu thứ nhất
(First specimen signature)

Chữ ký mẫu thứ hai
(Second specimen signature)

Họ tên *(Full Name)*:
 CCCD/CMND/HC *(ID / PP)*:
 Ngày cấp: Nơi cấp:
(Date of issue) (Place of issue)
 Chức vụ: ĐTDĐ:
(Position) (Mobile)

Chữ ký mẫu thứ nhất
(First specimen signature)

Chữ ký mẫu thứ hai
(Second specimen signature)

III – THAY ĐỔI ĐĂNG KÝ CHỮ KÝ MẪU CỦA KẾ TOÁN TRƯỞNG/NGƯỜI PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN *(Change of specimen signature of Chief accountant/Person in Charge of Accounting)*

Họ tên *(Full Name)*:
 CCCD/CMND/HC *(ID / PP)*:
 Ngày cấp: Nơi cấp:
(Date of issue) (Place of issue)
 Chức vụ: ĐTDĐ:
(Position) (Mobile)

Chữ ký mẫu thứ nhất
(First specimen signature)

Chữ ký mẫu thứ hai
(Second specimen signature)

¹ Áp dụng nếu Khách hàng đăng ký từ 02 (hai) Người đại diện hợp pháp trở lên *(Only applied if customer registers more than one Lawful Representative of Account Holder)*

Họ tên (Full Name):
 CCCD/CMND/HC (ID / PP):
 Ngày cấp: Nơi cấp:
 (Date of issue) (Place of issue)
 Chức vụ: ĐTDĐ:
 (Position) (Mobile)

Chữ ký mẫu thứ nhất (First specimen signature)	Chữ ký mẫu thứ hai (Second specimen signature)
---	---

Họ tên (Full Name):
 CCCD/CMND/HC (ID / PP):
 Ngày cấp: Nơi cấp:
 (Date of issue) (Place of issue)
 Chức vụ: ĐTDĐ:
 (Position) (Mobile)

Chữ ký mẫu thứ nhất (First specimen signature)	Chữ ký mẫu thứ hai (Second specimen signature)
---	---

IV – THAY ĐỔI ĐĂNG KÝ CHỮ KÝ MẪU CỦA NGƯỜI ĐƯỢC KẾ TOÁN TRƯỞNG/NGƯỜI PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN ỦY QUYỀN (Change of specimen signature of Persons authorised by Chief accountant/Person in Charge of Accounting)

Họ tên (Full Name):
 CCCD/CMND/HC (ID / PP):
 Ngày cấp: Nơi cấp:
 (Date of issue) (Place of issue)
 Chức vụ: ĐTDĐ:
 (Position) (Mobile)

Chữ ký mẫu thứ nhất (First specimen signature)	Chữ ký mẫu thứ hai (Second specimen signature)
---	---

Họ tên (Full Name):
 CCCD/CMND/HC (ID / PP):
 Ngày cấp: Nơi cấp:
 (Date of issue) (Place of issue)
 Chức vụ: ĐTDĐ:
 (Position) (Mobile)



Chữ ký mẫu thứ nhất (First specimen signature)	Chữ ký mẫu thứ hai (Second specimen signature)
---	---

Họ tên (Full Name):
 CCCD/CMND/HC (ID / PP):
 Ngày cấp: Nơi cấp:
 (Date of issue) (Place of issue)
 Chức vụ: ĐTDĐ:
 (Position) (Mobile)

Chữ ký mẫu thứ nhất (First specimen signature)	Chữ ký mẫu thứ hai (Second specimen signature)
---	---

V – THAY ĐỔI ĐĂNG KÝ CHỮ KÝ MẪU CỦA NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN GIAO NHẬN HỒ SƠ, GIAO DỊCH TIỀN MẶT TẠI NGÂN HÀNG (Change of specimen signature of Persons authorised to deliver/receive documents and perform cash transaction at VCB)

Họ tên (Full Name): NGUYỄN THỊ THU HỒNG
 CCCD/CMND/HC (ID / PP): 001196014444
 Ngày cấp: 22/11/2022 Nơi cấp: Cục CS
 (Date of issue) (Place of issue)
 Chức vụ: Kế toán ĐTDĐ: 0396883499
 (Position) (Mobile)

Chữ ký mẫu thứ nhất (First specimen signature)	Chữ ký mẫu thứ hai (Second specimen signature)
	
Nguyễn Thị Thu Hồng	Nguyễn Thị Thu Hồng

Họ tên (Full Name):
CCCD/CMND/HC (ID / PP):
Ngày cấp: Nơi cấp:
(Date of issue) (Place of issue)
Chức vụ: ĐTDĐ:
(Position) (Mobile)

Chữ ký mẫu thứ nhất
(First specimen signature)

Chữ ký mẫu thứ hai
(Second specimen signature)

Họ tên (Full Name):
CCCD/CMND/HC (ID / PP):
Ngày cấp: Nơi cấp:
(Date of issue) (Place of issue)
Chức vụ: ĐTDĐ:
(Position) (Mobile)

Chữ ký mẫu thứ nhất
(First specimen signature)

Chữ ký mẫu thứ hai
(Second specimen signature)



ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN GIAO NHẬN HỒ SƠ/CHỨNG TỬ, GIAO DỊCH TIỀN MẶT TẠI NGÂN HÀNG
Change of information of Person Authorized to deliver/receive documents and perform cash transaction at VCB

Ngày (Date):/...../.....

Số hồ sơ thông tin khách hàng (CIF No.):

Biểu mẫu này là một phần không tách rời của Giấy đề nghị thay đổi thông tin khách hàng tổ chức của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) mà Quý khách đã xác nhận thông tin (This form is an integral part of Application for changes of customer's information (for organization) of Joint - Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam (Vietcombank) within your signature for declaration).

X Tên khách hàng (Customer full name): CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THẢO

Quý khách hàng vui lòng cung cấp các thông tin sau (Please provide the following information):

1 - NGƯỜI THỨ 1 (1st person)

Giao nhận hồ sơ/chứng tử

Giao dịch tiền mặt

(Document delivery and receipt)

(Cash receipt/deposit)

X HỌ TÊN (Full name): NGUYỄN THỊ THU HỒNG

Trùng với cá nhân tại (being the individual in):

mục A1.14

mục A1.15

mục A1.16

mục A1.17

(Section A1.14)

(Section A1.15)

(Section A1.16)

(Section A1.17)

Ghi rõ thông tin giấy tờ tùy thân trong trường hợp có nhiều người cùng tên tại mục A1.14/A1.15/A1.16/A1.17 (Please specify identity documents if there are multiple individuals in section A1.14/A1.15/A1.16/A1.17 with the same name):

Điền các thông tin bên dưới trong trường hợp khác với cá nhân tại mục A1.14/ A1.15/ A1.16/ A1.17 (Fill in the information below in case the Authorized persons is different from the individual in section A1.14/ A1.15/ A1.16/ A1.17):

Là KHCN của Vietcombank (Vietcombank's Individual customer):

Có (Yes)

Không (No)

Trường hợp chọn "Có", đề nghị cung cấp (If choose "Yes", please provide):

Số CIF (Cif No.): Hoặc một trong số các tài khoản thanh toán tại Vietcombank (Or one of Vietcombank Current Accounts.)

Trường hợp chọn "Không", đề nghị điền các thông tin sau (If choose "No", please fill in the following information):

Chức vụ (Position): Kế toán Nghề nghiệp (Occupation): Ngày sinh: 31/12/1996 (Date of birth)

Giới tính: Nam Nữ Tình trạng cư trú: Cư trú Không cư trú Ngày hết hạn cư trú:/...../..... (Gender) (Male) (Female) (Resident Status) (Resident) (Non-resident) (Residence expiry date)

Quốc tịch: Việt Nam Khác (ghi rõ): Không quốc tịch (Nationality) (Vietnamese) (Other, please specify) (Stateless individual)

Điện thoại cố định: ĐTDĐ: 0396883499 Thư điện tử: ketanngocthan2@gmail.com (Business Phone) (Mobile) (E-mail Address)

Đối với cá nhân là công dân Việt Nam hoặc người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch (For individuals who are Vietnamese citizens or people of Vietnamese origin whose nationality has not been determined)

Thẻ CCCD/Thẻ căn cước CMND Căn cước điện tử Giấy chứng nhận căn cước (Citizen ID) (ID) (eID) (Identity certificate)

Số (No): 001196014444 Ngày cấp: 21/11/2022 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH Ngày hết hạn: 31/11/2036 (Issue Date) (Issue Place) (Expiry Date)

Địa chỉ thường trú (Permanent Address):

Địa chỉ liên hệ (Current Address):

Đối với cá nhân là người nước ngoài hoặc người không quốc tịch (For individuals who are foreigners or stateless persons)

Hộ chiếu (Passport) Thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp (ID issued by foreign competent authorities, if any)

Danh tính điện tử (eID) Giấy tờ khác có giá trị đi lại quốc tế (ghi rõ) (Internation travel document, if any):

Số (No): Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn:/...../..... (Issue Date) (Issue Place) (Expiry Date)

Thị thực Giấy tờ thay thị thực (ghi rõ): Giấy tờ miễn thị thực (ghi rõ): (Visa) (Visa equivalent document, please specify) (Visa exemption document, please specify)

Số (No): Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn:/...../..... (Issue Date) (Issue Place) (Expiry Date)

Địa chỉ đăng ký cư trú ở Việt Nam:

(Registered address of residence in Vietnam)

Địa chỉ đăng ký cư trú ở nước ngoài:

(Overseas registered residential Address)

Thông tin bổ sung thêm đối với cá nhân là người có từ hai quốc tịch trở lên (Additional information for individuals with multiple nationality)

Quốc tịch (Nationality): Hộ chiếu số: Nơi cấp:
(Passport No.) (Issue Place)
Ngày cấp (Issue Date):/...../..... Ngày hết hạn (Expiry Date):/...../.....
Địa chỉ đăng ký cư trú tại quốc gia mang quốc tịch (Registered address of residence in the country of nationality)

Quốc tịch (Nationality): Hộ chiếu số: Nơi cấp:
(Passport No.) (Issue Place)
Ngày cấp (Issue Date):/...../..... Ngày hết hạn (Expiry Date):/...../.....
Địa chỉ đăng ký cư trú tại quốc gia mang quốc tịch (Registered address of residence in the country of nationality)

2 - NGƯỜI THỨ 2 (2nd person)

Giao nhận hồ sơ/chứng từ

Giao dịch tiền mặt

(Document delivery and receipt)

(Cash receipt/deposit)

HỌ TÊN (Full name):

Trùng với cá nhân tại (being the individual in): mục A1.14 mục A1.15 mục A1.16 mục A1.17
(Section A1.14) (Section A1.15) (Section A1.16) (Section A1.17)

Ghi rõ thông tin giấy tờ tùy thân trong trường hợp có nhiều người cùng tên tại mục A1.14/A1.15/A1.16/A1.17 (Please specify identity documents if there are multiple individuals in section A1.14/A1.15/A1.16/A1.17 with the same name):

Điền các thông tin bên dưới trong trường hợp khác với cá nhân tại mục A1.14/ A1.15/ A1.16/ A1.17 (Fill in the information below in case the Authorized persons is different from the individual in section A1.14/ A1.15/ A1.16/ A1.17):

Là KHCN của Vietcombank (Vietcombank's Individual customer): Có (Yes) Không (No)

Trường hợp chọn "Có", đề nghị cung cấp (If choose "Yes", please provide):

Số CIF (CIF No.): Hoặc một trong số các tài khoản thanh toán tại Vietcombank
(Or one of Vietcombank Current Accounts.)

Trường hợp chọn "Không", đề nghị điền các thông tin sau (If choose "No", please fill in the following information):

Chức vụ (Position): Nghề nghiệp (Occupation): Ngày sinh:/...../.....
(Date of birth)

Giới tính: Nam Nữ Tình trạng cư trú: Cư trú Không cư trú Ngày hết hạn cư trú:/...../.....
(Gender) (Male) (Female) (Resident Status) (Resident) (Non-resident) (Residence expiry date)

Quốc tịch: Việt Nam Khác (ghi rõ): Không quốc tịch
(Nationality) (Vietnamese) (Other, please specify) (Stateless individual)

Điện thoại cố định: ĐTĐD: Thư điện tử:
(Business Phone) (Mobile) (E-mail Address)

Đối với cá nhân là công dân Việt Nam hoặc người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch (For individuals who are Vietnamese citizens or people of Vietnamese origin whose nationality has not been determined)

Thẻ CCCD/Thẻ căn cước CMND Căn cước điện tử Giấy chứng nhận căn cước
(Citizen ID) (ID) (eID) (Identity certificate)

Số (No): Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn:/...../.....
(Issue Date) (Issue Place) (Expiry Date)

Địa chỉ thường trú (Permanent Address):

Địa chỉ liên hệ (Current Address):

Đối với cá nhân là người nước ngoài hoặc người không quốc tịch (For individuals who are foreigners or stateless persons)

Hộ chiếu (Passport) Thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp
(ID issued by foreign competent authorities, if any)

Danh tính điện tử (eID) Giấy tờ khác có giá trị đi lại quốc tế (ghi rõ) (Internation travel document, if any):

Số (No): Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn:/...../.....
(Issue Date) (Issue Place) (Expiry Date)

Thị thực Giấy tờ thay thị thực (ghi rõ): Giấy tờ miễn thị thực (ghi rõ):
(Visa) (Visa equivalent document, please specify) (Visa exemption document, please specify)

Số (No): Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn:/...../.....
(Issue Date) (Issue Place) (Expiry Date)

Địa chỉ đăng ký cư trú ở Việt Nam:
(Registered address of residence in Vietnam)

Địa chỉ đăng ký cư trú ở nước ngoài:
(Overseas registered residential Address)

Thông tin bổ sung thêm đối với cá nhân là người có từ hai quốc tịch trở lên (Additional information for individuals with multiple nationality)

Quốc tịch (Nationality): Hộ chiếu số: Nơi cấp:
(Passport No.) (Issue Place)

Ngày cấp (Issue Date)/...../..... Ngày hết hạn (Expiry Date)/...../.....
 Địa chỉ đăng ký cư trú tại quốc gia mang quốc tịch (Registered address of residence in the country of nationality)

Quốc tịch (Nationality): Hộ chiếu số: Nơi cấp:
 (Passport No.) (Issue Place)
 Ngày cấp (Issue Date)/...../..... Ngày hết hạn (Expiry Date)/...../.....
 Địa chỉ đăng ký cư trú tại quốc gia mang quốc tịch (Registered address of residence in the country of nationality)



3 - NGƯỜI THỨ 3 (3rd person) Giao nhận hồ sơ/chứng từ (Document delivery and receipt) Giao dịch tiền mặt (Cash receipt/deposit)

HỌ TÊN (Full name):
 Trùng với cá nhân tại (being the individual in): mục A1.14 mục A1.15 mục A1.16 mục A1.17
 (Section A1.14) (Section A1.15) (Section A1.16) (Section A1.17)

Ghi rõ thông tin giấy tờ tùy thân trong trường hợp có nhiều người cùng tên tại mục A1.14/A1.15/A1.16/A1.17 (Please specify identity documents if there are multiple individuals in section A1.14/A1.15/A1.16/A1.17 with the same name):

Điền các thông tin bên dưới trong trường hợp khác với cá nhân tại mục A1.14/ A1.15/ A1.16/ A1.17 (Fill in the information below in case the Authorized persons is different from the individual in section A1.14/ A1.15/ A1.16/ A1.17):

Là KHCN của Vietcombank (Vietcombank's Individual customer): Có (Yes) Không (No)
 Trường hợp chọn "Có", đề nghị cung cấp (if choose "Yes", please provide):
 Số CIF (CIF No.): Hoặc một trong số các tài khoản thanh toán tại Vietcombank (Or one of Vietcombank Current Accounts).....

Trường hợp chọn "Không", đề nghị điền các thông tin sau (if choose "No", please fill in the following information):
 Chức vụ (Position): Nghề nghiệp (Occupation): Ngày sinh:/...../..... (Date of birth)

Giới tính: Nam Nữ Tình trạng cư trú: Cư trú Không cư trú Ngày hết hạn cư trú:/...../.....
 (Gender) (Male) (Female) (Resident Status) (Resident) (Non-resident) (Residence expiry date)
 Quốc tịch: Việt Nam Khác (ghi rõ): Không quốc tịch (Stateless individual)
 (Nationality) (Vietnamese) (Other, please specify)
 Điện thoại cố định: ĐTDĐ: Thư điện tử: (E-mail Address)
 (Business Phone) (Mobile)

Đối với cá nhân là công dân Việt Nam hoặc người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch (For individuals who are Vietnamese citizens or people of Vietnamese origin whose nationality has not been determined)

Thẻ CCCD/Thẻ căn cước CMND Căn cước điện tử Giấy chứng nhận căn cước (Identity certificate)
 (Citizen ID) (ID) (eID)
 Số (No): Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn:/...../.....
 (Issue Date) (Issue Place) (Expiry Date)
 Địa chỉ thường trú (Permanent Address):
 Địa chỉ liên hệ (Current Address):

Đối với cá nhân là người nước ngoài hoặc người không quốc tịch (For individuals who are foreigners or stateless persons)

Hộ chiếu (Passport) Thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp (ID issued by foreign competent authorities, if any)
 Danh tính điện tử (eID) Giấy tờ khác có giá trị đi lại quốc tế (ghi rõ) (Internation travel document, if any):
 Số (No): Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn:/...../.....
 (Issue Date) (Issue Place) (Expiry Date)
 Thị thực Giấy tờ thay thị thực (ghi rõ): Giấy tờ miễn thị thực (ghi rõ):
 (Visa) (Visa equivalent document, please specify) (Visa exemption document, please specify)
 Số (No): Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn:/...../.....
 (Issue Date) (Issue Place) (Expiry Date)

Địa chỉ đăng ký cư trú ở Việt Nam: (Registered address of residence in Vietnam)
 Địa chỉ đăng ký cư trú ở nước ngoài: (Overseas registered residential Address)

Thông tin bổ sung thêm đối với cá nhân là người có từ hai quốc tịch trở lên (Additional information for individuals with multiple nationality)

Quốc tịch (Nationality): Hộ chiếu số: Nơi cấp:
 (Passport No.) (Issue Place)
 Ngày cấp (Issue Date)/...../..... Ngày hết hạn (Expiry Date)/...../.....
 Địa chỉ đăng ký cư trú tại quốc gia mang quốc tịch (Registered address of residence in the country of nationality)

Quốc tịch
(Nationality)

Hộ chiếu số:
(Passport No.)

Nơi cấp:
(Issue Place)

Ngày cấp (Issue Date)/...../.....

Ngày hết hạn (Expiry Date)/...../.....

Địa chỉ đăng ký cư trú tại quốc gia mang quốc tịch (Registered address of residence in the country of nationality)